TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/12/2025
"*Về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Khánh Thịnh.

2. Bà Đào Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Khánh D, sinh năm 2003
HKTT: Số zm đường C, phường PH, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã HHT, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Đặng Lê M, sinh năm 2001
Địa chỉ: Số zm đường C, phường PH, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1978
Địa chỉ: Số nhà zm, đường C, phường PH, tỉnh Hưng Yên.

- Bà An Thị T, sinh năm 1956
Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã HHT, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Khánh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Khánh D và anh Đặng Lê M quen biết nhau là do bạn cùng làm công ty Giầy da với chị D giới thiệu, tìm hiểu một thời

gian thì tiến tới hôn nhân. Chị D và anh M có đăng ký kết hôn tại UBND phường MK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/3/2022. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không tổ chức cưới hỏi. Sau khi kết hôn vợ chồng chị D về chung sống cùng nhà bố mẹ anh M tại số nhà xm, đường C, phường MK, thành phố H nhưng ăn riêng. Vợ chồng sống hạnh phúc được gần hai năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M làm nghề tự do đi từ sáng đến đêm khuya mới về, không quan tâm gì đến vợ con, anh đi đâu làm gì chị D không biết, có lần đêm khuya anh về chơi điện thoại đến gần sáng anh vào giường bóp cổ, trợn mắt nhìn, bị nghẹn thở chị D tỉnh dậy có đẩy anh M ra và kêu lên thì anh M mới bỏ tay ra. Sáng ngủ dậy chị D có hỏi lại, anh M không biết gì hết. Ngoài chị ra cháu Nh cũng bị anh M xô đẩy ngã mấy lần vì thấy bố về cháu theo quấn lấy bố. Chị nghi ngờ anh M đã sử dụng ma túy lên có cảm giác mơ màng, ảo tưởng nên có hỏi một số bạn bè chơi cùng anh M thì được biết anh có dùng ma túy đá. Chị rất sợ cứ như thế này có ngày anh sẽ gây thương tích, nguy hiểm về tính mạng của hai mẹ con nên chị bế con về nhà bà ngoại chị ở từ tháng 3/2024. Khi chị D về nhà bà ngoại ở, anh M có đến tìm một lần nhưng không gặp chị nên có lời lẽ dọa nạt gia đình. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn Minh để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị D có 01 con chung là cháu Đặng Quỳnh Nh, sinh ngày 30/6/2022, hiện đang cháu ở cùng chị D. Ly hôn chị D xin được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Lê M không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà nhưng anh M không có mặt ở nhà nên không tiến hành lấy lời khai của anh M và không thể tiến hành giải được.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Vũ Thị Khánh D vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Bị đơn anh Đặng Lê M vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân**:** Xử cho chị Vũ Thị Khánh D được ly hôn anh Đặng Lê M.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Quỳnh Nh, sinh ngày 30/6/2022. Giao cháu Nh cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị D và thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh M thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị Khánh D yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đặng Lê M có hộ khẩu thường trú: Số nhà zm, đường C, phường PH, tỉnh Hưng Yên; Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Khánh D và anh Đặng Lê M kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường MK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/3/2022 theo giấy chứng nhận kết hôn số 04/2022. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D: Theo chị D thì vợ chồng sống hạnh phúc được gần 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M là lao động tự do đi từ sáng đến đêm khuya với về không quan tâm đến vợ con, có lần về khuya anh M chơi điện thoại và bóp cổ chị D, xô đẩy con ngã, chị D nghi ngờ anh nghiện ma túy đá lo sợ ảnh hưởng đến tính mạng của hai mẹ con nên bỏ về nhà bà ngoại ở từ tháng 3/2024, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai.

Mâu thuẫn của vợ chồng chị D, anh M được bà Phạm Thị N là mẹ đẻ anh Đặng Lê M cung cấp: Anh M và chị D tự đi đăng ký kết hôn. Tháng 4/2022 anh M đưa chị D về gia đình bà ở, do chị D đang có thai nên gia đình bà cũng đồng ý

để vợ chồng chị D ở chung nhưng cho ăn riêng. Anh M lông bông, làm tự do đi từ sáng đến đêm khuya mới về, chị D ở nhà không làm gì, cơm nước không nấu nướng gì mà toàn gọi đồ ăn sẵn mang về, ăn xong vợ chồng không dọn dẹp để lung tung trong nhà bẩn thỉu, ruồi muỗi, hôi hám. Vợ chồng anh M, chị D không xảy ra mâu thuẫn cãi nhau gì, nhưng có lời nói mày tao, hỗn sược văng tục với nhau. Việc chị D trình bày anh M dùng ma túy đá là không đúng, anh M không dùng ma túy, cả chị D và anh M đều hút thuốc lá điện tử. Đến đầu năm 2024 chị D bế con đi đâu gia đình bà không biết, anh M có về quê chị D ở xã DC, huyện TL để tìm nhưng không gặp, gia đình bà cũng không biết lý do tại sao chị D lại bỏ đi. Anh M và chị D tự đến với nhau, chị D tự bỏ nhà đi nên bà cũng đồng ý để chị D ly hôn anh M.

Bà An Thị T là bà ngoại chị D cung cấp: Cháu D và cháu M có đăng ký kết hôn năm 2022. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn va chạm cãi nhau hay không thì gia đình bà T không biết vì ở xa. Đến tháng 3/2024 cháu D bế con về ở cùng với bà, cháu có kể lại là đang ngủ nửa đêm anh M vào bóp cổ, cháu vùng dẫy kêu lên anh M mới bỏ ra, anh M không yêu quý con, cứ con đến gần là anh đẩy ra làm con ngã, cháu D sợ quá bỏ về chung sống cùng bà. Cháu D về nhà bà ở hôm trước thì hôm sau cháu M có đến gia đình bà để tìm cháu D về nhưng bà đã nói dối là cháu D không về đây, bà thấy mắt cháu M lờ đờ, chậm chậm thế nào ý. Sau lần đấy cháu M không đến tìm cháu D nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà T đồng ý để cháu D được ly hôn cháu M.

Qua xác minh, lãnh đạo tổ dân phố BLHP, phường PH cung cấp: Anh M và chị D có đăng kết hôn nhưng gia đình không tổ chức cưới. Sau kết hôn vợ chồng anh M, chị D chung sống cùng bố mẹ anh M. Chị D không có việc làm ở nhà, còn anh M công việc không ổn định, thời gian đi lại thất thường nên khu phố không biết anh M làm gì, ở đâu. Do vợ chồng anh M, chị D không có đơn đề nghị khu phố hoặc các đoàn thể của địa phương tổ chức hòa giải mâu thuẫn của gia đình nên khu phố cũng không nắm bắt được vợ chồng anh M, chị D có mâu thuẫn không. Anh M không phải đối tượng nghiện ma túy, chưa có hành vi vi phạm nào bị cơ quan pháp luật xử lý. Anh M có quan hệ bạn bè rộng, thường xuyên đi sớm về muộn. Chị D đã không chung sống cùng anh M cách đây hơn một năm. Chị D không trình báo nên khu phố cũng không biết chị D đi đâu và ở đâu. Hiện tại chị D chưa quay về chung sống cùng anh M.

Từ những căn cứ trên xác định mâu thuẫn của vợ chồng chị D, anh M đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị D xin ly hôn anh M là có căn cứ chấp nhận.

2.3. Về con chung: Vợ chồng chị D, anh M có 01 con chung là cháu Đặng Quỳnh Nh, sinh ngày 30/6/2022, hiện cháu đang ở cùng chị D, chị D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Nh. Xét thấy cháu Nh hiện tại còn nhỏ, cần nhiều sự chăm sóc của mẹ. Mặt khác do anh M không đến làm việc với Tòa án nên không xác định được nguyện vọng của anh M về con chung. Do vậy sẽ giao cháu Nh cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của chị D, không trái với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Nếu sau này anh M có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

2.4. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị D xác định không có nên không đề nghị giải quyết. Do không lấy được lời khai của anh M nên không rõ được quan điểm của anh M về tài sản chung, công sức, nợ chung. Do vậy không xem xét giải quyết về tài sản chung, công sức, nợ chung. Nếu sau này anh M có yêu cầu thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị Khánh D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hưng Yên tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân**:** Xử cho chị Vũ Thị Khánh D được ly hôn anh Đặng Lê M.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Quỳnh Nh, sinh ngày 30/6/2022. Giao cháu Nh cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị D và thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh M thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Vũ Thị Khánh D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu ký hiệu: BLTU/25E số 0001725 ngày 06/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên. Chị D đã nộp đủ án phí.

[5] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lý

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS KV1-Hưng Yên;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS KV1 - Hưng Yên:
- UBND phường PH
(Đăng ký số 04/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.